

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MINH HOÁ  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 06/5/2020

V/v ly hôn giữa chị N và anh H

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Đinh Quốc Hội

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

**- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng –Thư ký Tòa án**

**- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: không**

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Cao Thị Hồng N; sinh năm 198\*

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** anh Cao Văn H; sinh năm 198\*

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình. có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2020 và trong bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị Hồng N trình bày:*

- về hôn nhân: chị và anh H quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hợp tính tình, anh H suốt ngày say rượu, đánh đề, đánh bạc không những vậy còn

hành hạ, đánh đập chị N, vu khống, đặt điều để nói xấu chị N, đời sống chung không thể kéo dài. Hai vợ chồng ly thân từ năm 2018. Hiện tại chị cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh H nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh H.

- con chung của vợ chồng: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Hoàng Nh, sinh ngày 07/11/2011 và Cao Hoàng H, sinh ngày 29/4/2016, hiện tại con đang ở với chị N, nguyện vọng của chị N là xin được nuôi dưỡng cháu Nh và H, yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung một tháng 1.000.000 đ.

- tài sản chung và nợ chung: không có

*Tại bản tự khai của đương sự ngày 06/5/2020 anh Cao Văn H trình bày:*

- về quan hệ hôn nhân: anh và chị N kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do chị N ngoại tình bỏ bê chồng, con, chị N đã bỏ đi làm ăn ở Miền Nam từ đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị N làm đơn xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý.

- về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Hoàng Nh, sinh ngày 07/11/2011 và Cao Hoàng H, sinh ngày 29/4/2016, hiện tại con đang ở với chị N, đồng ý như yêu cầu của chị N nhưng phân cấp dưỡng thì anh không đồng ý cấp dưỡng.

- tài sản chung và nợ chung: không có

- tại phiên tòa anh H đồng ý ly hôn, con chung cũng đồng ý giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: việc chị Cao Thị Hồng N yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Cao Văn H, căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa nên yêu cầu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận. Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn đồng ý xét xử vắng mặt nguyên đơn căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh H kết hôn với nhau vào năm 2009 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị N: vợ chồng chị N và anh H không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng

trong cuộc sống và cũng đã sống ly thân hơn hai năm. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Hoàng Nh, sinh ngày 07/11/2011 và Cao Hoàng H, sinh ngày 29/4/2016, hiện tại con đang ở với chị N, nguyện vọng của chị N là xin được nuôi dưỡng cháu Nh và H.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại hai con đang ở chị N, chị N cũng có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng hai con, cháu Nh cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, anh H cũng đồng ý cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của các con cần giao cháu Nh và H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000 đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Cao Thị Hồng N phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, anh Cao Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Cao Thị Hồng N và anh Cao Văn H.

2. Về con chung: giao hai con chung là cháu Cao Hoàng Nh, sinh ngày 07/11/2011 và Cao Hoàng H, sinh ngày 29/4/2016 cho chị Cao Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Cao Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng

1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nh và H đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, có quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: chị Cao Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004265 ngày 30/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Án phí cấp dưỡng định kỳ: anh Cao Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/5/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Trung Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( đã ký)

- Lưu hồ sơ.

**Đinh Đức Cảnh**

